



Tổng công ty Bảo đảm an toàn
hàng hải miền Nam
office@vms-south.vn
27-04-2021 16:23:05 +07:00

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
Số: 107 /TBHH-TCTBĐATHHNM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày

27 tháng 4 năm 2021 MN

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật độ sâu của luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải

VTU - 18 - 2021

Vùng biển: Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Tên luồng: Luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải.

Căn cứ bình đồ độ sâu ký hiệu từ VT-TV_2104_01 đến VT-TV_2104_13, tỷ lệ 1/5000 đo đạc hoàn thành tháng 4/2021, các số liệu liên quan do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam cung cấp và theo đề nghị của Trưởng phòng An toàn hàng hải.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo:

Trong phạm vi khảo sát tuyến luồng hàng hải được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải (BHHH), độ sâu được xác định bằng máy đo sâu hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” như sau:

1. Đoạn luồng từ phao BHHH số “0” đến hạ lưu Bến cảng Xăng dầu Petec Cái Mép có chiều dài 30,6 km, chiều rộng luồng nhỏ nhất 310 m như sau:

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số “1” – 470 m đến phao BHHH số “1” + 150 m, chiều dài khoảng 620 m, lần luồng xa nhất 27 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 12,4 m nằm sát biên luồng.

- Xuất hiện điểm độ sâu 13,8 m; 13,5 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
13,8	10°18'01,4" N	107°04'22,1" E	10°17'57,7" N	107°04'28,6" E
13,8	10°18'14,8" N	107°04'02,0" E	10°18'11,1" N	107°04'08,5" E
13,5	10°18'22,7" N	107°04'05,4" E	10°18'19,0" N	107°04'11,9" E

- Đoạn luồng từ phao BHHH số “5” – 400 m đến phao BHHH số “5” + 1040 m, chiều dài khoảng 1440 m, xuất hiện các điểm độ sâu 12,2 m; 12,9 m; 10,7 m; 12,8 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
12,2	10°19'38,2" N	107°03'19,5" E	10°19'34,5" N	107°03'25,9" E
12,9	10°19'39,8" N	107°03'17,5" E	10°19'36,1" N	107°03'23,9" E
10,7	10°19'40,2" N	107°03'18,1" E	10°19'36,6" N	107°03'24,6" E
12,8	10°19'42,2" N	107°03'16,8" E	10°19'38,5" N	107°03'23,2" E

Ngoài ra độ sâu nhỏ nhất đạt 13,3 m, độ sâu nhỏ nhất tại tim luồng đạt 13,8 m.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “14” - 1260 m đến phao BHHH số “16” – 640 m, chiều dài khoảng 3350 m, lần luồng xa nhất 35 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 13,6 m trở lên.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “16” – 360 m đến phao BHHH số “18” + 220 m, chiều dài khoảng 1760 m, lần luồng xa nhất 100 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 13,3 m, độ sâu nhỏ nhất tại tim luồng đạt 13,6 m.

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số “15” - 1180m đến phao BHHH số “15”, chiều dài khoảng 1180 m, lần luồng xa nhất 50 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 13,5 m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số “15” đến phao BHHH số “17” + 550 m, chiều dài khoảng 1560 m, lần luồng xa nhất 140 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 12,9 m nằm cách biên luồng khoảng 30 m.

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số “17” + 550 m đến phao BHHH số “19” + 550 m, chiều dài khoảng 2250 m, lần luồng xa nhất 90 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 13,3 m trở lên.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “26” – 50 m đến hạ lưu Bến cảng Xăng dầu Petec Cái Mép, chiều dài khoảng 360 m, lần luồng xa nhất 50 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 13,0 m trở lên.

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 14,0 m trở lên.

2. Đoạn luồng từ hạ lưu Bến cảng Xăng dầu Petec Cái Mép đến thượng lưu Bến cảng Tổng hợp Thị Vải (ODA) có chiều dài 7,5 km, chiều rộng luồng 310 m (nhỏ nhất 260 m) như sau:

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “34” – 550 m đến phao BHHH số “34” – 300 m, chiều dài khoảng 250 m, lần luồng xa nhất 26 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 11,2 m nằm sát biên luồng.

- Xuất hiện các điểm độ sâu 11,7 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
11,7	10°32'57,6" N	107°01'02,1" E	10°32'53,9" N	107°01'08,5" E
11,7	10°32'60,0" N	107°00'55,1" E	10°32'56,3" N	107°01'01,6" E
11,7	10°33'20,4" N	107°00'36,1" E	10°33'16,8" N	107°00'42,5" E

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số “35” đến thượng lưu phao BHHH số “37” + 250 m, chiều dài khoảng 1310 m, lần luồng xa nhất 85 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 8,0 m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “42” – 370 m đến phao BHHH số “44”, chiều dài khoảng 1010 m, lần luồng xa nhất 126 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 8,1 m trở lên.

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 12,0 m trở lên.

- Trong phạm vi vũng quay trở tàu rộng 500 m (tại khu nước phía trước nhà máy đóng tàu Ba Son), độ sâu nhỏ nhất đạt 13,8 m trở lên.

3. Đoạn luồng từ thượng lưu Bến cảng Tổng hợp Thị Vải (ODA) đến thượng lưu Bến cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam (SITV) có chiều dài 2,8 km, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 220 m như sau:

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “44” đến phao BHHH số “46”, chiều dài khoảng 390 m, lần luồng xa nhất 70 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 6,6 m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “46” + 120 m đến phao BHHH số “48”, chiều dài khoảng 620 m, lần luồng xa nhất 50 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 7,4 m trở lên.

- Xuất hiện các điểm độ sâu 11,6 m; 10,9 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
11,6	10 ⁰ 34'57,2" N	107 ⁰ 01'27,1" E	10 ⁰ 34'53,5" N	107 ⁰ 01'33,5" E
10,9	10 ⁰ 34'56,9" N	107 ⁰ 01'27,6" E	10 ⁰ 34'53,2" N	107 ⁰ 01'34,1" E

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “48”+1020 m đến thượng lưu Bến cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam (SITV), chiều dài khoảng 470 m, lần luồng xa nhất 25 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 9,5 m trở lên.

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 12,0 m trở lên.

4. Đoạn luồng từ thượng lưu Bến cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam (SITV) đến hết vũng quay trở tàu phía thượng lưu Bến cảng Vedan Phước Thái có chiều dài 9,6 km, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 90 m như sau:

- Xuất hiện các điểm độ sâu 7,0m; 6,7m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
7,0	10 ⁰ 38'26,7" N	107 ⁰ 00'29,9" E	10 ⁰ 38'23,0" N	107 ⁰ 00'36,3" E
6,7	10 ⁰ 38'51,6" N	107 ⁰ 00'41,3" E	10 ⁰ 38'48,0" N	107 ⁰ 00'47,7" E

- Đoạn luồng từ phao BHHH số “46” + 130 m đến đến vũng quay trở tàu, chiều dài khoảng 680 m, độ sâu nhỏ nhất tại tim luồng 8,4 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 6,2 m nằm sát biên trái luồng.

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 7,2 m trở lên.

- Trong phạm vi vũng quay trở tàu rộng 250 m (tại khu nước phía thượng lưu bến cảng Vedan Phước Thái), độ sâu nhỏ nhất đạt 5,4 m trở lên.

5. Đoạn luồng từ vũng quay trở tàu rộng 250 m về phía thượng lưu có chiều dài 3,5 km, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 90 m, tuyến luồng tận dụng độ sâu tự nhiên có tọa độ tim tuyến xác định theo bảng sau:

Tim tuyến	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
T1	10 ⁰ 40'32,5" N	106 ⁰ 59'16,1" E	10 ⁰ 40'28,8" N	106 ⁰ 59'22,6" E
T2	10 ⁰ 40'32,5" N	106 ⁰ 59'16,1" E	10 ⁰ 40'28,8" N	106 ⁰ 59'22,6" E
T3	10 ⁰ 40'24,1" N	106 ⁰ 59'19,2" E	10 ⁰ 40'20,4" N	106 ⁰ 59'25,6" E
T4	10 ⁰ 40'07,3" N	106 ⁰ 59'25,3" E	10 ⁰ 40'03,7" N	106 ⁰ 59'31,8" E
T5	10 ⁰ 40'06,9" N	106 ⁰ 59'34,4" E	10 ⁰ 40'03,2" N	106 ⁰ 59'40,8" E
T6	10 ⁰ 40'18,5" N	106 ⁰ 59'42,2" E	10 ⁰ 40'14,8" N	106 ⁰ 59'48,7" E

1137
IG
IAOE
ANG
IAM
RIA

Tầm tuyến	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)
T7	10°40'18,5" N	106°59'50,5" E	10°40'14,8" N	106°59'56,9" E
T8	10°40'03,8" N	106°59'56,3" E	10°40'00,1" N	107°00'02,7" E
T9	10°39'56,5" N	107°00'03,5" E	10°39'52,8" N	107°00'09,9" E
T10	10°39'49,3" N	107°00'21,4" E	10°39'45,6" N	107°00'27,8" E
T11	10°39'45,9" N	107°00'33,9" E	10°39'42,2" N	107°00'40,4" E

- Xuất hiện các điểm độ sâu 5,4 m; 4,7 m; 5,5 m; 5,8 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)
5,4	10°40'08,9" N	106°59'52,7" E	10°40'05,2" N	106°59'59,2" E
4,7	10°40'08,0" N	106°59'23,8" E	10°40'04,4" N	106°59'30,3" E
5,5	10°40'09,2" N	106°59'23,7" E	10°40'05,5" N	106°59'30,2" E
5,8	10°40'10,3" N	106°59'23,1" E	10°40'06,6" N	106°59'29,5" E

Ngoài các điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 6,2 m trở lên.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI:

Tàu thuyền hành hải trên luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải căn cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu để có biện pháp hàng hải an toàn. Lưu ý dải điểm độ sâu, điểm độ sâu và tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ hàng hải Vũng Tàu, Cảng vụ hàng hải Đồng Nai để đảm bảo an toàn hàng hải. /.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu;
- Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai;
- Công ty Thông tin điện tử Hàng hải;
- Lãnh đạo Tổng công ty BDATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng: KT-KH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu VT-VP, P. ATHH_{Năng}.

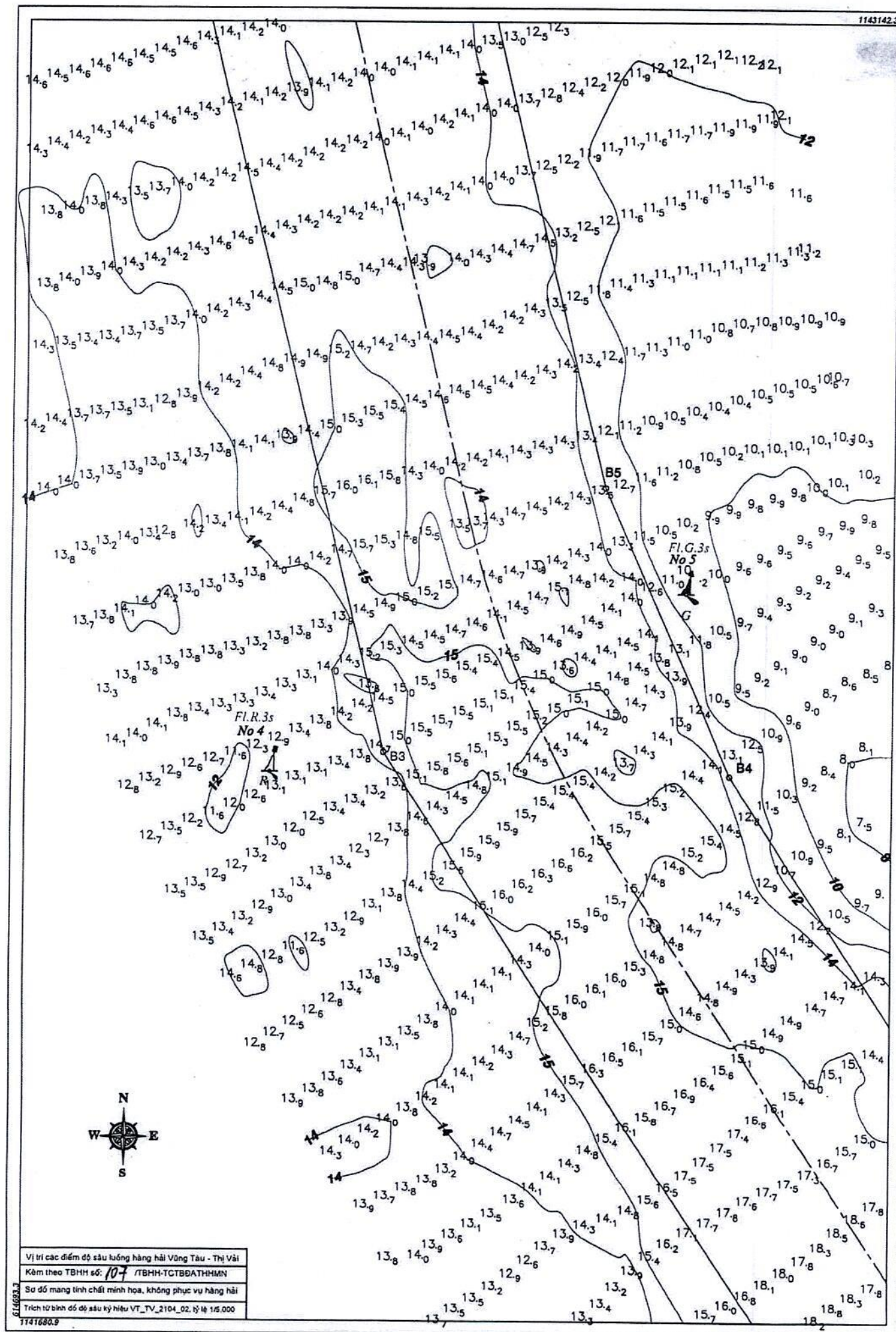
**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



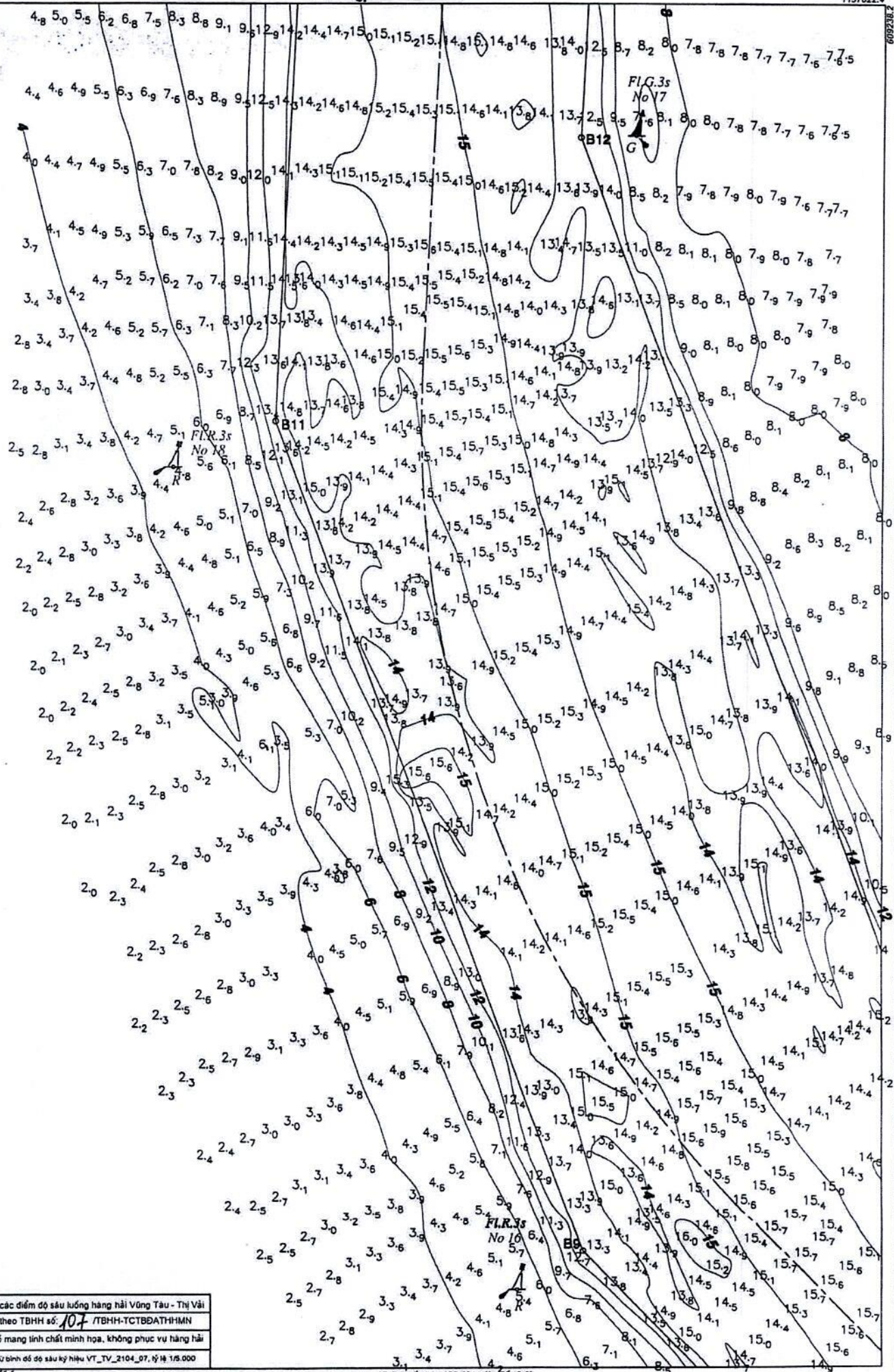
Phạm Tuấn Anh

Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 3 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam
- 4 Cục Cảnh sát biển
- 5 Chi Cục đường sông phía Nam
- 6 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans)
 - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu KV miền Nam
- 7 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 8 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam
 - Cty Vận tải Biển Đông (BISCO)
 - Cty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC)
 - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Cty CP Hàng hải Đông Đo (Dong Do MARINE)
 - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác LĐ Quốc tế (INLACO SAIGON)
 - Công ty CP hàng hải Vinalines Nha Trang
- 9 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn)
- 10 Đài tiếng nói nhân dân Tp. Hồ Chí Minh
- 11 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh
- 12 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO)
- 13 Bộ đội biên phòng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- 14 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP)
- 15 Cty Vận tải và thuê tàu biển VN (Vitranchart)
- 16 Cty Vận tải xăng dầu đường biển
- 17 Cty Vận tải Thủy Bắc
- 18 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I
- 19 Cty Vận tải biển Sài Gòn
- 20 Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP.HCM
- 21 Cảng Sài Gòn
- 22 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 23 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ
- 24 XN Khảo sát hàng hải miền Nam
- 25 XN Tàu dịch vụ dầu khí
- 26 XN Liên doanh dầu khí Việt Xô
- 27 XN Trục Vớt Cứu Hộ Vận Tải I
- 28 CN1 – Công ty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 29 Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV IX
- 30 Đài thông tin Duyên hải Vũng Tàu
- 31 Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu
- 32 Bộ đội biên phòng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu,
- 33 Bộ đội biên phòng tỉnh Đồng Nai
- 34 Sở GTVT, Sở NN&PTNT các tỉnh:
Bà Rịa – Vũng Tàu
Đồng Nai



310
TỶ
TỶ
NH
ENN
T.BP



Vị trí các điểm đo sâu luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải

Kèm theo TBHH số: 107 / TBHH-TCTBDATHHVN

Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải

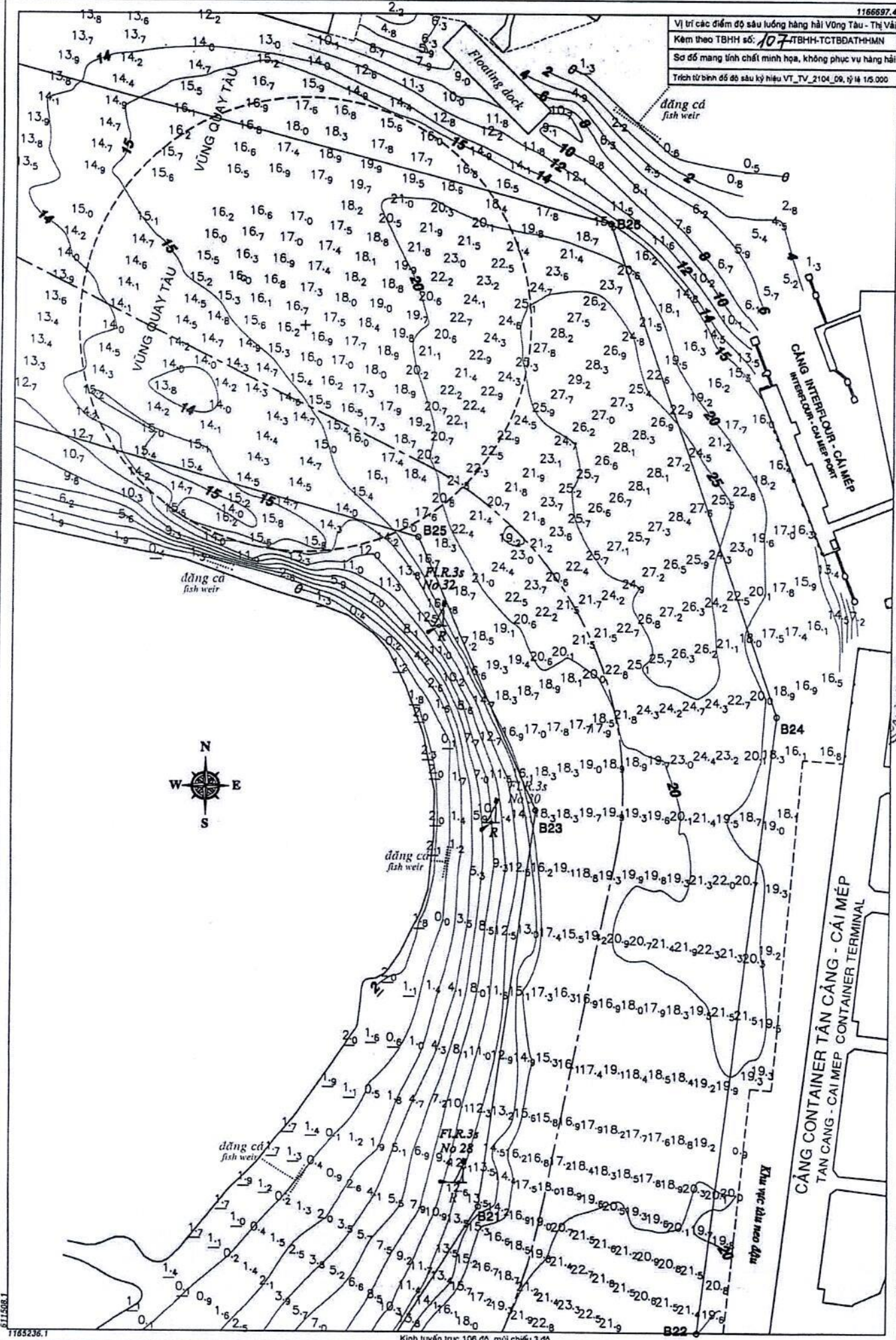
Trích từ bình đồ độ sâu kỹ thuật VT_TV_2104_07, tỷ lệ 1/5.000

1153567.1

Kinh tuyến trục 106 độ, mũi chiều 3 độ

1166597.4

Vị trí các điểm đo sâu lượng hàng hải Vong Tàu - Thị Vải
 Kèm theo TBHH số: 107-TBHH-TCTBDATHMMN
 Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
 Trích từ bình đồ độ sâu kỹ thuật VT_TV_2104_09, tỷ lệ 1/5.000



1166597.4
 1166597.4

Kinh tuyến trục 106 độ, mỗi chiều 3 độ